

Bản án số: 126/2020/HS-PT

Ngày: 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh, bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 116/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lê Quốc H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2020/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Quốc H (Nguyên), sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số x, ấp x, xã L , huyện G , tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số 9/51, khu phố x, Phường x (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (cha đẻ) và bà Lê Thị Kim H; vợ Nguyễn Thị Thu T, bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1985 (chấp hành xong phần án phí ngày 27 tháng 8 năm 2020); tiền sự: không; Nhân thân: tại Bản án số 36/HSST ngày 26/6/1992 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản của công dân”, tại Bản án số 105/HSST ngày 23/12/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 05 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, tại Bản án số 123/HSPT ngày 19/12/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tại Quyết định số 2182/QĐ-UB ngày 30/11/2007 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “có lời nói xúc phạm danh dự nhân phẩm của người thi hành công vụ, gây mất trật tự khu dân cư được chính quyền

địa phương giáo dục nhiều lần và áp dụng biện pháp giáo dục tại Phường thời hạn 06 tháng nH vẫn tiếp tục vi phạm”; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 03 tháng 5 năm 2020, Lê Quốc H cùng người bạn gái đến nhà nghỉ B ở ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre thuê phòng số 8 để nghỉ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H ra quầy tiếp tân tính tiền phòng nhưng không gặp ai, H ngồi chờ và phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S5 Neo của bà Nguyễn Thị Thu H (quản lý nhà nghỉ) để trên ghế nhựa gần đó, H dùng tay chạm vào màn hình làm sáng đèn lên. Lúc này, bà H đi lên quầy tiếp tân, H tính tiền phòng với số tiền 110.000 đồng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, H và T mỗi người điều khiển 01 xe ra về. Khi ra khỏi nhà nghỉ B, H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của bà H nên dựng xe gần máy biến số xxFx-xxxx bên ngoài cổng rào, H lén lút đi bộ trở vào lấy 01 điện thoại của bà H vẫn còn để ở vị trí trước đó. Sau đó, H tháo sim trong điện thoại ném bỏ trên đường, tháo thẻ nhớ cất vào trong người và điều khiển xe gắn máy nêu trên đến cửa hàng điện thoại di động Thanh T tại số x, đường N, Phường x (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre cầm với giá 1.300.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Hiện trường vụ án tại nhà nghỉ B ở ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre ghi nhận: trên vách tường hướng đông bên trong nhà nghỉ có gắn 01 camera cách nền 2,6m, cách đầu trên cạnh cửa chính hướng nam 0,22m, mặt camera quay về hướng tây là lối đi vào dãy phòng nghỉ; trên vách tường hướng đông bên ngoài nhà nghỉ có gắn 01 camera cách nền 2,6m, cách cạnh cửa chính hướng bắc 01m, mặt camera quay về hướng đông là lối đi từ cổng vào bên trong nhà nghỉ. Ngoài ra, còn ghi nhận vị trí để tài sản bị mất trộm theo lời trình bày của bị hại Nguyễn Thị Thu H và đặc điểm từ cổng rào vào bên trong nhà nghỉ B nơi xảy ra vụ trộm cắp tài sản vào ngày 03 tháng 5 năm 2020;

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S5 Neo, màu đen trị giá 8.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý vật chứng như sau: Do Lê Quốc H giao nộp: 01 thẻ nhớ dung lượng 1 GB, ký hiệu Micro. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại H vào ngày 10 tháng 8 năm 2020; Do bà Nguyễn Thị Thu Th vợ của Lê Quốc H giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sansung Galaxy S5 Neo màu đen, bà T tự nguyện đến tiệm cầm đồ Thanh T nơi H cầm điện thoại trộm của bà H để chuộc lại với số tiền 1.320.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại

nêu trên cho bị hại H vào ngày 10 tháng 8 năm 2020; 01 xe gắn máy biển số xxFK-xxxx, bà Nguyễn Thị Thu Th mua lại từ một cặp vợ chồng (không rõ lai lịch) với giá 750.000 đồng, qua xác minh chiếc xe trên thuộc sở hữu của ông Huỳnh Tấn H bị người bạn tên H chiếm đoạt vào ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre, Cơ quan điều tra đã bàn giao xe gắn máy trên cho Công an xã S, thành phố B để giải quyết theo thẩm quyền; 02 đoạn video ghi lại hình ảnh Lê Quốc H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03 tháng 5 năm 2020 do camera của nhà nghỉ B quay lại, được sao chép vào 01 đĩa CD và niêm phong (kèm theo hồ sơ vụ án);

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Lê Quốc H (Nguyên) phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quốc H (Nguyên) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/10/2020, bị cáo Lê Quốc H kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Quốc H 01 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo nuôi dưỡng chăm sóc hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03 tháng 5 năm 2020, tại nhà nghỉ B ở ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre, Lê Quốc H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S5 Neo, màu đen, trị giá 8.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị tiền án về “Tội trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 22 ngày 07 tháng 3 năm 1994 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre nên không chịu cải tạo bản thân mà tiếp tục phạm tội mới. Điều đó đã minh chứng rằng, bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Quốc H (Nguyên) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Quốc H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- Công an và VKSND h. G (2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- UBND xã L , h. G (1b);
- UBND phường An Hội, tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn